

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

Số: 495/GP-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thanh Hoá, ngày 28 tháng 12 năm 2016

**GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Công văn số 13994/UBND-CN ngày 05/12/2016 của UBND tỉnh về việc chủ trương cho Công ty TNHH Xây dựng khai thác khoáng sản Thiên Phú lập hồ sơ cấp phép thăm dò đất san lấp và thu hồi đất giàu sắt làm phụ gia xi măng tại xã Thành Vân, huyện Thạch Thành;

Xét Đơn và hồ sơ của Công ty TNHH Xây dựng khai thác khoáng sản Thiên Phú đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản đất san lấp và thu hồi đất giàu sắt làm phụ gia xi măng tại xã Thành Vân, huyện Thạch Thành;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 1402/STNMT-TNKS ngày 21 tháng 12 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Xây dựng khai thác khoáng sản Thiên Phú được thăm dò khoáng sản đất san lấp và thu hồi khoáng sản đi kèm (đất giàu sắt làm phụ gia xi măng) tại xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa;

- Diện tích khu vực thăm dò: 2,25 ha được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 3, 4, 5 và 6 có tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiều 3^0 được xác định trên bản đồ kèm theo;

- Thời hạn thăm dò: 02 tháng, kể từ ngày ký Giấy phép;

- Khối lượng thăm dò: Theo đề án được chấp thuận;

- Chi phí thăm dò: Bằng nguồn vốn của đơn vị (đơn giá áp dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước);

- Lệ phí giấy phép: 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*).

Điều 2. Công ty TNHH Xây dựng khai thác khoáng sản Thiên Phú có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành; thanh toán tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản của Nhà nước;

2. Thực hiện thăm dò đất san lấp và thu hồi khoáng sản đi kèm (đất giàu sắt làm phụ gia xi măng) theo phương pháp và khối lượng đã quy định tại Điều 1 của Giấy phép, Đề án đã được UBND tỉnh chấp thuận này và các quy định khác của pháp luật có liên quan; thi công các hạng mục công việc đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường, an toàn vật liệu nổ (*trường hợp thăm dò khoáng sản có sử dụng vật liệu nổ*); thu thập và tổng hợp đầy đủ, chính xác các tài liệu, kết quả thăm dò; kiểm tra và chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng và tính trung thực của tài liệu thực tế thi công; bảo quản lưu giữ đầy đủ các tài liệu nguyên thủy, tài liệu thực tế có liên quan và các mẫu vật địa chất, khoáng sản theo quy định hiện hành.

3. Bảo vệ tài nguyên khoáng sản; nghiêm cấm mọi hoạt động khai thác trong quá trình thăm dò; nếu phát hiện các khoáng sản khác, phải kịp thời có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xử lý theo quy định.

4. Tiến hành phân tích các loại mẫu tại các cơ sở đạt tiêu chuẩn VILAS, LAS-XD; làm rõ chất lượng, trữ lượng đất san lấp và đất giàu sắt làm phụ gia xi măng cho mục đích sử dụng. Trước khi tiến hành lấy mẫu công nghệ, phải đăng ký khối lượng, vị trí, thời gian, phương pháp lấy mẫu tại Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra ngoài thực địa và giám sát thực hiện.

5. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ theo quy định hiện hành.

6. Trình thẩm định, xét duyệt báo cáo kết quả thăm dò tại Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản của UBND tỉnh và nộp báo cáo theo quy định của pháp luật về khoáng sản; nộp báo cáo vào lưu trữ Địa chất theo quy định hiện hành.

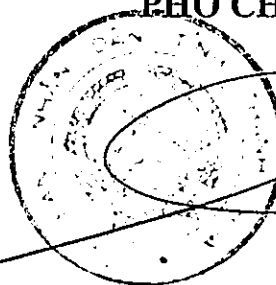
Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hoạt động thăm dò khoáng sản theo giấy phép này, Công ty TNHH Xây dựng khai thác khoáng sản Thiên Phú chỉ được phép thực hiện sau khi thông báo chương trình và khối lượng thăm dò cho Sở Tài nguyên và Môi trường và chính quyền địa phương để phối hợp quản lý, kiểm tra và xác định cụ thể diện tích, tọa độ, mốc giới khu vực thăm dò tại thực địa./.

Nơi nhận:

- Tổng Cục ĐC&KS Việt Nam;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Công ty TNHH XDKTKS Thiên Phú;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (05b);
- UBND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thành Vân;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



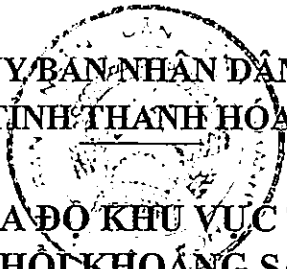
Nguyễn Đức Quyền

Giấy phép thăm dò khoáng sản này được đăng ký
nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa

Số đăng ký: ĐK/TD

Thanh Hóa, ngày..... tháng..... năm 201...

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

**TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐẤT SAN LẬP VÀ THU
HỒI KHOÁNG SẢN ĐI KÈM (ĐẤT GIÀU SẮT LÀM PHỤ GIA XI
MĂNG) TẠI XÃ THÀNH VÂN, HUYỆN THẠCH THÀNH**

*(Phụ lục kèm theo Giấy phép thăm dò số: 195/GP-UBND
ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

Khu vực	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục 105 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰)	
		X (m)	Y (m)
Diện tích 2,25 ha	1	2228 589.17	575 717.10
	2	2228 641.24	575 689.53
	3	2228 707.01	575 564.62
	4	2228 627.00	575 421.00
	5	2228 583.30	575 597.65
	6	2228 545.91	575 676.29

KHOI LƯỢNG CÁC HẠNG MỤC CÔNG TÁC THĂM DÒ CHỦ YẾU

(Phụ lục kèm theo Giấy phép thăm dò số : 495/GP-UBND
ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TT	Hạng mục công trình	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
I	Khảo sát, Lập đề án, dự toán	km ²	0,025	
II	Thi công			
a	Công tác trắc địa			
1	Lập đường truyền đa giác II	km	11,05	
2	Lập bản đồ địa hình 1/2.000 (Đường ĐM = 1m)			
	- Ngoài trời	km ²	0,027	
	- Trong phòng	km ²	0,027	
3	Định tuyến trực (KCC 100m)	km	0,20	
4	Đo mặt cắt (KCC 20m)	km	0,61	
5	Đo thu công trình	công trình	15	
b	Công tác địa chất	đồng		
	Lập bản đồ ĐCKS tỷ lệ 1/2000			
	- Ngoài trời	km ²	0,025	
	- Trong phòng	km ²	0,025	
c	Công tác ĐCTV - ĐCCT			
	- Ngoài trời	km ²	0,025	
	- Trong phòng	km ²	0,025	
d	Công tác khoan			
	Khoan máy UKB	m	54,0	
e	Lấy mẫu			
1	Mẫu lõi khoan	mẫu	24	
2	Lấy mẫu cơ lý đất	mẫu	10	
3	Lấy mẫu cơ lý đá	mẫu	2	
4	Lấy mẫu đầm nện	mẫu	3	
f	Gia công và phân tích mẫu			
1	Gia công mẫu hóa	mẫu	24	
2	Phân tích mẫu hoá cơ bản (4 chỉ tiêu		24	
3	Phân tích mẫu cơ lý đất toàn diện	mẫu	5	
4	Phân tích mẫu hệ số nở rời	mẫu	2	
5	Phân tích mẫu cơ lý thể trọng	mẫu	3	
6	Phân tích mẫu cơ lý đá toàn diện	mẫu	2	
III	Tổng kết báo cáo			
1	Lập báo cáo tổng kết			
2	Đánh máy			